

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2372 /QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình Khuyến công tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

Căn cứ Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể đối với các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 84/TTr-SCT ngày 24/8/2020 và văn bản số 1392/STC-HCSN ngày 08/7/2020 của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình khuyến công tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *th*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Công báo tỉnh; Đài PTTH, Báo Vĩnh Phúc, Cổng TTĐT tỉnh;
- CVNCTH;
- Lưu: VT.

(10 b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Duy Thành

**CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG
TỈNH VĨNH PHÚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số: **2312**/QĐ-UBND ngày **23** tháng **9** năm 2020 của
UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Huy động các nguồn lực trong và ngoài tỉnh tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các dịch vụ khuyến công, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của tỉnh; tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới.

Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, vật liệu; giảm thiểu và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường. Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Căn cứ kết quả đạt được của các hoạt động khuyến công giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình khuyến công giai đoạn 2021 - 2025 (Chương trình) tập trung vào những nội dung sau:

- Hỗ trợ đào tạo, truyền nghề cho 350 lao động;
- Tổ chức 03 hội nghị, hội thảo chuyên đề về nâng cao nhận thức về hoạt động khuyến công cho thanh niên ở các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh;
- Tổ chức 05 hội nghị, hội thảo chuyên đề về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, sản xuất sạch hơn, tiết kiệm nguyên liệu;
- Tổ chức và hỗ trợ 03 đoàn các cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT) khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong nước;
- Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến; xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật cho 160 cơ sở công nghiệp nông thôn;
- Hỗ trợ thuê tư vấn đánh giá nhanh về áp dụng sản xuất sạch hơn cho 8 cơ sở;
- Tổ chức 03 lần bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh (2 năm/lần);

- Tham gia, hỗ trợ 28 lượt cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm trong nước;

- Hỗ trợ kinh phí đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn cho 05 cơ sở;

- Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu, thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói sản phẩm cho 30 cơ sở công nghiệp nông thôn;

- Tư vấn hỗ trợ cho 30 cơ sở công nghiệp nông thôn trong việc: Marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán- nhân lực;

- Xây dựng 320 tin, bài, phóng sự tuyên truyền về khuyến công trên báo, đài phát thanh truyền hình, in ấn 28.000 tờ rơi, tờ gấp, catalog giới thiệu quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn;

- Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường 05 cơ sở công nghiệp nông thôn;

- Tổ chức 05 Hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ khuyến công cấp xã;

- Hỗ trợ kinh phí tổ chức và hoạt động khuyến công cấp huyện (9 huyện, thành phố/năm).

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

Chương trình gồm các nội dung khuyến khích hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc áp dụng sản xuất sạch hơn.

c) Các tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề: Tập trung vào các nghề may mặc; nghề mộc; mây tre đan hay các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp xuất khẩu, vv.

Tổ chức các khóa đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động.

2. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp thông qua các hoạt động tư vấn, tập huấn đào

tạo, hội thảo, hội nghị, diễn đàn; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp nông thôn.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn; ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, dây chuyền công nghệ; chuyên giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

a) Tổ chức tham quan mô hình, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, giới thiệu công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại cho các cơ sở công nghiệp nông thôn.

b) Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn về chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm; sản xuất hàng công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học; chế biến nguyên liệu, vv.

c) Hỗ trợ xây dựng thí điểm nhằm nhân rộng các mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp.

d) Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

4. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Phối hợp, tổ chức và tham gia hội trợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước. Trực tiếp tham dự và hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm trong nước. Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn trong xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

5. Tư vấn trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong việc: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn. Tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

6. Công tác thông tin tuyên truyền:

a) Xây dựng mạng lưới cộng tác viên tuyên truyền về khuyến công từ cấp huyện đến cấp xã, lấy nòng cốt là cán bộ khuyến công cơ sở.

b) Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; xây dựng cơ sở dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác.

c) Tổ chức và hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các hoạt động triển lãm nhằm quảng bá thông tin, tuyên truyền về hoạt động khuyến công;

d) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tiếp cận và khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường và quảng bá doanh nghiệp, vv.

7. Hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường:

Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn.

8. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công:

a.) Nghiên cứu trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm. Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, quản lý đề án khuyến công.

c) Kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công và sản xuất sạch hơn.

d) Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp Vĩnh Phúc. Xây dựng hoàn thiện và duy trì mạng lưới khuyến công cấp huyện, cấp xã.

đ) Xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn, giáo trình, tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công cấp huyện, cấp xã.

e) Tổ chức tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

IV. LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ VÀ NGUYÊN TẮC ƯU TIÊN

1. Lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên.

- Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất phục vụ nông nghiệp; nông thôn; công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản; công nghiệp hỗ trợ; áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp;

- Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; sản phẩm thuộc các chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực; công nghiệp mũi nhọn; công nghiệp trọng điểm của tỉnh và từng địa phương trong tỉnh; sản xuất các sản phẩm có thị trường xuất khẩu; sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động.

2. Nguyên tắc ưu tiên.

- Ưu tiên các chương trình, đề án thực hiện tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; địa bàn các xã trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các huyện, xã nghèo theo quy định.

- Mức kinh phí ưu tiên thực hiện theo quy định tại Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy chế Quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể đối với các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

V. ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Định mức hỗ trợ.

Áp dụng theo Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy chế Quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể đối với các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và các Văn bản liên quan.

2. Tổng kinh phí thực hiện: 38.105 triệu đồng.

3. Phân kỳ kinh phí hỗ trợ:

- Năm 2021: 7.606 triệu đồng.
- Năm 2022: 7.506 triệu đồng.
- Năm 2023: 7.526 triệu đồng.
- Năm 2024: 7.631 triệu đồng.
- Năm 2025: 7.836 triệu đồng.

(Chi tiết kinh tại Phụ lục II đính kèm)

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Triển khai các nhiệm vụ khuyến công theo Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy chế Quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể đối với các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; đồng thời vận dụng các cơ chế chính sách của Trung ương và của Tỉnh để thực hiện tốt Chương trình khuyến công. Đồng thời, tổ chức rà soát, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp nhằm khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với giai đoạn mới.

2. Bố trí đủ biên chế cán bộ khuyến công ở các xã, phường, thị trấn có điều kiện phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và cán bộ phụ trách công tác khuyến công ở cấp huyện; tổ chức mạng lưới cộng tác viên khuyến công theo quy định, nhằm tăng cường tổ chức, triển khai các nội dung hoạt động khuyến công và nắm bắt tình hình phát triển công nghiệp nông thôn trên địa bàn.

3. Nâng cao năng lực hoạt động khuyến công của Trung tâm trực thuộc Sở Công thương, phòng Kinh tế, Kinh tế - Hạ tầng các huyện, thành phố đảm bảo tổ chức triển khai có hiệu quả công tác khuyến công trên địa bàn; xây dựng chương trình, kế hoạch tập huấn bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công.

4. Tăng cường sự phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức, cá nhân nhằm thúc đẩy

hoạt động khuyến công. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách, cơ chế hỗ trợ khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; chính sách khuyến công của tỉnh.

5. Khuyến khích, hỗ trợ xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp nông cốt tại các địa bàn phát triển công nghiệp nông thôn trọng điểm làm đầu mối để cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm. Đa dạng các hoạt động khuyến công, hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến với quy mô lớn hơn, tập trung vào các ngành nghề có thế mạnh, mũi nhọn của tỉnh.

6. Xây dựng phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm để tạo cầu nối giữa các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn và người tiêu dùng và để trưng bày giới thiệu các sản phẩm công nghiệp nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.

7. Bố trí đủ kinh phí từ ngân sách tỉnh đảm bảo thực hiện các nội dung theo chương trình khuyến công được phê duyệt. Ngoài nguồn kinh phí ngân sách hỗ trợ cho hoạt động khuyến công, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác để khuyến khích, thu hút nguồn vốn của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công thương:

- Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện chương trình này, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện trên cơ sở nguồn vốn được cấp hàng năm đảm bảo đúng mục đích và hiệu quả.

- Thực hiện phê duyệt, chỉ đạo và kiểm tra Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp triển khai thực hiện kế hoạch khuyến công hàng năm.

- Chỉ đạo đơn vị trực thuộc Sở theo nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch thực hiện và dự toán kinh phí cho từng năm.

- Kiểm tra, đôn đốc, giám sát,... việc thực hiện Chương trình, kế hoạch hàng năm đảm bảo hiệu quả.

- Tổng hợp kết quả thực hiện, đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính.

Cân đối ngân sách địa phương để thực hiện chương trình khuyến công của tỉnh. Phối hợp với Sở Công thương thẩm định dự toán chi tiết theo nội dung chương trình. Kiểm tra, kiểm soát thường xuyên, đảm bảo tuyệt đối tuân thủ quy định Pháp luật.

3. Các Sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Công thương giải quyết các nội dung có liên quan đến Sở, ngành, tổ chức mình trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình khuyến công.

4. UBND các huyện, thành phố.

Triển khai thực hiện chương trình khuyến công theo lĩnh vực địa bàn quản lý; tổng hợp, lập danh sách các đơn vị đăng ký tham gia chương trình; đồng thời chỉ đạo phòng Kinh tế, phòng Kinh tế - Hạ tầng, UBND cấp xã phối hợp với đơn vị trực thuộc Sở Công thương hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn có nhu cầu đề nghị hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương hoàn thiện hồ sơ đăng ký kế hoạch; xem xét lựa chọn, lập danh sách các nội dung và tổng hợp dự toán gửi Sở công thương để tổng hợp, tổ chức triển khai chương trình khuyến công trên địa bàn đảm bảo hiệu quả.

4. Các cơ sở công nghiệp nông thôn.

Chủ động xây dựng kế hoạch, đề án khuyến công trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Triển khai thực hiện kế hoạch, đề án hỗ trợ kinh phí khuyến công đúng tiến độ, nội dung hỗ trợ, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả.

Trường hợp các văn bản được căn cứ tại Quy chế này có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Duy Thành

PHỤ LỤC I
NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH VĨNH PHÚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

TT	Nội dung và chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến kết quả đạt được					Tổng cộng
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
I	Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề							
1	Đào tạo nghề, truyền nghề tại chỗ gắn với cơ sở công nghiệp nông thôn	Người	70	70	70	70	70	350
II	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, các hoạt động tư vấn tư vấn, tập huấn đào tạo, hội thảo, hội nghị							
1	Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về nâng cao nhận thức hoạt động khuyến công cho thanh niên ở các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh.	Lần	1		1		1	3
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, sản xuất sạch hơn, tiết kiệm nguyên liệu.	Lần	1	1	1	1	1	5
3	Tổ chức và hỗ trợ các cơ sở CNNT khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong nước	Đoàn		1		1	1	3
III	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn							
1	Hỗ trợ đầu tư ứng dụng máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến trong sản xuất; xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật	Cơ sở	32	32	32	32	32	160
2	Hỗ trợ thuê tư vấn đánh giá nhanh về áp dụng sản xuất sạch hơn	Cơ sở	2	2		2	2	8
IV	Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, thông qua tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; tham gia, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước; hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để quảng bá giới thiệu sản phẩm							
1	Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	Lần	1		1		1	3
2	Tham gia, hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm trong nước	Lượt	5	5	6	6	6	28
3	Hỗ trợ kinh phí đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn tại cơ sở	Cơ sở	1	1	1	1	1	5

4	Xây dựng, đăng ký thương hiệu, thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn	Cơ sở	6	6	6	6	6	30
V	Tư vấn lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng							
1	Tư vấn hỗ trợ marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực	Cơ sở	6	6	6	6	6	30
VI	Công tác thông tin tuyên truyền							
1	Công tác thông tin tuyên truyền trên Báo, Đài PTTH và các tuyên truyền khác về khuyến công	Tin, bài, phóng sự	60	60	60	70	70	320
VII	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở công nghiệp nông thôn, các cụm công nghiệp							
1	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở công nghiệp nông thôn	Cơ sở	1	1	1	1	1	5
VIII	Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công							
1	Tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ khuyến công cấp xã	Hội nghị	1	1	1	1	1	5
2	Hỗ trợ kinh phí tổ chức và hoạt động khuyến công cấp huyện	Huyện, thành phố	9	9	9	9	9	45

PHỤ LỤC II

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2342 /QĐ-UBND ngày 23/9 /2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

STT	Nội dung khuyến công	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022	Kinh phí năm 2023	Kinh phí năm 2024	Kinh phí năm 2025	Tổng cộng
I	Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề						
1	Đào tạo nghề, truyền nghề tại chỗ gắn với cơ sở công nghiệp nông thôn	105	105	105	105	105	525
II	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, tập huấn khuyến công, các hoạt động tư vấn tư vấn, tập huấn đào tạo, hội thảo, hội nghị						
1	Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về nâng cao nhận thức hoạt động khuyến công cho thanh niên ở các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh.	80		80		80	240
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, sản xuất sạch hơn, tiết kiệm nguyên liệu.	100	100	100	100	100	500
3	Hỗ trợ các cơ sở CNNT khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm trong nước		100		100	100	300
III	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn						
1	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến trong sản xuất; xây dựng mô trình diễn kỹ thuật.	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	25.000
2	Hỗ trợ thuê tư vấn đánh giá nhanh về áp dụng sản xuất sạch hơn	100	100		100	100	400
IV	Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, thông qua tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; tham gia, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước; hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để quảng bá giới thiệu sản phẩm						
1	Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	120		120		120	360
2	Tham gia, hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm trong nước	100	100	120	120	120	560
3	Hỗ trợ kinh phí đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn tại cơ sở	70	70	70	70	70	350

4	Xây dựng, đăng ký thương hiệu, thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói sản phẩm cho cơ sở công nghiệp nông thôn	66	66	66	66	66	330
V	Tư vấn lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng						
1	Tư vấn hỗ trợ marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực	180	180	180	180	180	900
VI	Công tác thông tin tuyên truyền						
1	Công tác thông tin tuyên truyền trên Báo, Đài PTTH và các tuyên truyền khác về khuyến công	400	400	400	500	500	2.200
VII	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở công nghiệp nông thôn, các cụm công nghiệp						
1	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở công nghiệp nông thôn	300	300	300	300	300	1.500
VIII	Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công						
1	Tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ khuyến công cấp xã	100	100	100	100	100	500
2	Xây dựng các chương trình, kiểm tra, quản lý chương trình, đề án, khen thưởng,....	335	335	335	340	345	1.690
3	Nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc	100	100	100	100	100	500
4	Hỗ trợ kinh phí tổ chức và hoạt động khuyến công cấp huyện	450	450	450	450	450	2.250
	Tổng cộng	7.606	7.506	7.526	7.631	7.836	38.105

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công giai đoạn 2021 - 2025 là: **38,105** tỷ đồng.